|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND |  *Trà Vinh, ngày tháng năm 2022* |
|  **Dự thảo****TỜ TRÌNH****Về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030** **trên địa bàn tỉnh Trà Vinh** |
|

|  |  |
| --- | --- |
|  Kính gửi: | Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ ..... |

 |

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

 Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

 Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**I. Sự cần thiết ban hành văn bản:**

Ngày 19/5/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030. Theo đó, tại Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định “Mức chi từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 quy định tại Thông tư này là các mức tối đa. Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình 1322 và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện) quyết định cụ thể các mức chi đảm bảo phù hợp”.

Để thực hiện đúng quy định của pháp luật nhà nước hiện hành thì việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là yêu cầu cần thiết.

**II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo văn bản:**

1. Mục đích: Tạo điều kiện thuận lợi cho ngân sách nhà nước có cơ sở tính toán kinh phí chi cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thực hiện nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính,

**III. Quá trình xây dựng dự thảo văn bản:**

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến phối hợp trực tiếp bằng văn bản của Sở Tư pháp, các sở ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị, thành phố để tham mưu UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết.

Sau khi lấy ý kiến của các cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, hoàn chỉnh gửi Sở Tư pháp thẩm định và Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

**IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo văn bản:**

1. Bố cục: Nghị quyết gồm 02 điều, kết cấu theo điều, khoản, điểm, cụ thể: điều 1 Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; điều 2 Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản:

“Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

Quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh, gồm có 05 điều, cụ thể như sau:

Điều 2. Mức chi để thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng: Cơ quan soạn thảo đã dự thảo mức chi theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 35/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 3. Mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng: Cơ quan soạn thảo đã dự thảo mức chi theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 35/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 4. Mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Cơ quan soạn thảo đã dự thảo mức chi theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 35/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 5. Mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322: Cơ quan soạn thảo đã dự thảo mức chi theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 35/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 6. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế: Cơ quan soạn thảo đã dự thảo mức chi theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 35/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa X - kỳ họp lần thứ ... xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:* TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

- Như trên; **CHỦ TỊCH**

- CT, các PCT.UBND tỉnh;

- Thành viên UBND tỉnh;

- Sở Tài chính;

- LĐVP.UBND tỉnh;

- Lưu: VT, KT.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |